

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2024/DS-ST
Ngày 25/12/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng
(thẻ tín dụng)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bảo Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trà Minh Châu

Bà Trần Thị Thanh Nhanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hiền-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Hồng Thủy-Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 162/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng (thẻ tín dụng)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 160/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng S1); Địa chỉ: Số B đường N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Sĩ K, sinh năm 1979-Chuyên viên Quản lý nợ của Ngân hàng S1-Chi nhánh S2; Địa chỉ: Số C đường T, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1989; Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Sĩ K trình bày:

Vào ngày 18/7/2022, bà Nguyễn Thị Thanh N ký với Ngân hàng S1 Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp

đồng thẻ), hạn mức tín dụng là 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi cấp thẻ tín dụng thì bà N đã thực hiện giao dịch rút tiền trong thẻ là 33.666.520 đồng, nhiều lần làm việc thì bà N vẫn không thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn lại nên bà N đã vi phạm hợp đồng.

Nay yêu cầu giải quyết buộc bà N thanh toán số tiền nợ tạm tính đến ngày 25/12/2024 với tổng số tiền nợ là 60.478.730 đồng, trong đó: nợ gốc là 36.583.026 đồng và nợ lãi quá hạn là 23.895.704 đồng cùng tiền lãi phát sinh cho khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Tại phiên tòa, bà N đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2]. Ngân hàng S1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thanh N có nơi cư trú tại xã T, huyện L, tỉnh Sóc Trăng thanh toán số tiền nợ phát sinh từ hợp đồng thẻ tín dụng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng tín dụng (thẻ tín dụng) và Tòa án nhân dân huyện Long Phú đã thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3]. Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình hoạt động tố tụng của Tòa án, không có ý kiến gì hay gửi văn bản cho Tòa án trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, căn cứ Khoản 2, Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[4]. Tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 18/7/2022 kèm

theo phụ lục về điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1, phía dưới có chữ ký và chữ viết của đại diện Ngân hàng S1 và bà N nên có đủ căn cứ xác định giữa bà N với Ngân hàng T có giao kết hợp đồng thẻ tín dụng dựa trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, về hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, hợp đồng nêu trên là hợp pháp, các đương sự đều có quyền và nghĩa vụ như nhau khi giao kết hợp đồng nên phải có nghĩa vụ thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng.

[5]. Theo nội dung hợp đồng thẻ tín dụng thể hiện Ngân hàng có cấp, phát thẻ tín dụng và đã giải ngân cho bà N với hạn mức là 30.000.000 đồng, loại thẻ Visa Classic-JCB Classic, số thẻ 472074-7311. Sau khi được cấp thẻ tín dụng và kích hoạt sử dụng thì bà N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 33.666.520 đồng và còn nợ Ngân hàng S1 tiền gốc là 36.583.026 đồng nhưng vẫn không tiếp tục thanh toán nợ.

Do đó, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận tại cam kết trong hợp đồng thẻ tín dụng tại Điều 2, Điều 20, Điều 21 của phụ lục kèm theo về điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 nên ngân hàng có quyền yêu cầu bà N thanh toán nợ gốc là 33.732.518 đồng là phù hợp với quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Thông tư số 19/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng N1 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng (sửa đổi, bổ sung năm 2021 tại Thông tư 17/2021/TT-NHNN16/11/2021).

[6]. Về lãi suất: Theo thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng kèm hợp đồng cùng điều khoản và điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 thể hiện lãi suất là 31,2%/năm (2,6%/tháng) trên ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 10 hàng tháng, lãi suất thay đổi được công bố theo biểu phí trong từng thời kỳ. Hiện nay, về lãi suất Ngân hàng đã điều chỉnh áp dụng mức lãi suất là 33,2%/năm (2,77%/tháng)

Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng thì bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ lãi nên Ngân hàng yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi tính đến ngày 25/12/2024 gồm: tiền nợ lãi quá hạn là 23.895.704 đồng cùng tiền lãi tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong tất cả các khoản nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 1 của phụ lục kèm theo về điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1; Khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 13, Điều 14 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Từ những căn cứ và nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91; Khoản 1, Khoản 2 Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Thanh N về hợp đồng tín dụng (thẻ tín dụng).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thanh N thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với tổng số tiền nợ là 60.478.730 đồng, trong đó: nợ gốc là 36.583.026 đồng và nợ lãi quá hạn là 23.895.704 đồng

Kể từ ngày 26/12/2024, bà Nguyễn Thị Thanh N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S. Trường hợp trong hợp đồng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị Thanh N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh N phải chịu án phí sơ thẩm là 3.023.937 đồng.

Hoàn trả Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tiền tạm ứng án phí là 1.252.674 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006717 ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa

đôi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Long Phú;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Bảo Quốc

